

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÁNG 02 NĂM 2025

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
I	Lãnh đạo Sở													
1	Vũ Văn Kiên	GD Sở	509	457 nhiệm vụ trước hạn (89.78%); 52 nhiệm vụ đúng hạn (10.22%)										
2	Cù Trọng Khang	PGD Sở	134	109 nhiệm vụ trước hạn (81.34%); 25 nhiệm vụ đúng hạn (18.66%)								91,5 ¹	A	
3	Nguyễn Thị Tươi	PGD Sở	181	172 nhiệm vụ trước hạn (95.03%);9 nhiệm vụ đúng hạn (4,97%)								92 ²	A	
4	Nguyễn Thị Thiều Hương	PGD Sở	194	176 nhiệm vụ trước hạn (90.72%);18 nhiệm vụ đúng hạn 9.28%)								100 ³	A	
II	Phòng Xây dựng chính quyền		49	5	5	0	0	0	44	43	1	0		B
				48 nhiệm vụ trước hạn (97.96%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (2.04%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Trần Hưng	TP	2	0	0	0	0	0	2	2	0	0	92,5 ⁴	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

¹ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 81.34%)
² Được thưởng 2 điểm (trước hạn 95.03%)
³ Được thưởng tối đa 10 điểm (thưởng 8 điểm có 02 ý tưởng đổi mới sáng tạo thuộc đơn vị phụ trách sản phẩm là văn bản HĐND tỉnh và UBND tỉnh ban hành, thưởng 2 điểm trước hạn 95.03%)
⁴ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
2	Vũ Thị Duyên	PTP	12	4	4	0	0	0	8	8	0	0	92,5 ⁵	A
				12 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Nguyễn Thị Thu Trang	CV	5	1	1	0	0	0	4	4	0	0	92,5 ⁶	A
				5 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Vương Thị Ngọc	CV	4	1	1	0	0	0	3	2	1	0	91 ⁷	A
				3 nhiệm vụ trước hạn (75%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (25%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Phan Thị Diễm	CV	11	1	1	0	0	0	10	10	0	0	92,5 ⁸	A
				11 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁵ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁶ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁷ Được thưởng 1 điểm (trước hạn 75%)⁸ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
6	Vũ Thị Thanh Hương	CV	5	0	0	0	0	0	5	5	0	0	92,5 ⁹	A
				5 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Lê Thị Hải Anh	CV	10	0	0	0	0	0	10	10	0	0	92,5 ¹⁰	A
				10 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
III	Phòng Tổ chức, biên chế		95	9	9	0	0	0	86	80	6	0		A
				89 nhiệm vụ trước hạn (93.68%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (6.32%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Bùi Xuân Hiếu	TP	3	1	1	0	0	0	2	2	0	0	100 ¹¹	A
				3 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Đào Thị Thu Trang	PTP	26	1	1	0	0	0	25	23	2	0	92 ¹²	A
				24 nhiệm vụ trước hạn (92.31%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (7.69%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)¹⁰ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)¹¹ Được thưởng tối đa 10 điểm (thưởng 8 điểm có đổi mới, sáng tạo là văn bản của HĐND tỉnh, thưởng 2,5 điểm trước hạn 100%)¹² Được thưởng 2 điểm (trước hạn 92.31%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
3	Nguyễn Anh Tuấn	PTP	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Thị Anh	CV	25	1	1	0	0	0	24	22	2	0	92 ¹³	A
				23 nhiệm vụ trước hạn (92%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (8%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Nguyễn Thị Luyến	CV	11	1	1	0	0	0	10	9	1	0	92 ¹⁴	A
				10 nhiệm vụ trước hạn (90.91%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (9.09%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Mai Quỳnh Nga	CV	10	2	2	0	0	0	8	8	0	0	92,5 ¹⁵	A
				10 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Hoàng Thị Bích Ngọc	CV	12	2	2	0	0	0	10	9	1	0	92 ¹⁶	A
				11 nhiệm vụ trước hạn (91.67%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (8.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

¹³ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 92%)

¹⁴ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 90.91%)

¹⁵ Được thưởng 25 điểm (trước hạn 100%)

¹⁶ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 91.67%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
8	Lê Thị Yến	CV	10	1	1	0	0	0	9	9	0	0	92,5 ¹⁷	A
				10 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
9	Đỗ Thị Phương	CV	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	92,5 ¹⁸	A
				1 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
IV	Phòng Công chức, viên chức		71	5	5	0	0	0	66	63	3	0		A
				68 nhiệm vụ trước hạn (95.77%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (4.23%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Phạm Thị Ngoan	PTP	3	0	0	0	0	0	3	3	0	0	92,5 ¹⁹	A
				3 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Phạm Văn Tùng	PTP	6	0	0	0	0	0	6	5	1	0	91,5 ²⁰	A
				5 nhiệm vụ trước hạn (83.33%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (16.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

¹⁷ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)¹⁸ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)¹⁹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)²⁰ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 83.33%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
3	Nguyễn Thị Nga	CV	5	0	0	0	0	0	5	4	1	0	91,5 ²¹	A
				4 nhiệm vụ trước hạn (80%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (20%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Thị Hải Yến	CV	20	2	2	0	0	0	18	18	0	0	92,5 ²²	A
				20 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Trần Thị Kim Tuyến	CV	14	0	0	0	0	0	14	14	0	0	92,5 ²³	A
				14 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Nguyễn Thị Dương	CV	10	1	1	0	0	0	9	9	0	0	100 ²⁴	A
				10 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

²¹ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 80%)

²² Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

²³ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

²⁴ Được thưởng tối đa 10 điểm (01 ý tưởng đổi mới sáng tạo sản phẩm là Quyết định của UBND tỉnh, thưởng 2,5 điểm trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
7	Phạm Thị Hà Mi	CV	13	2	2	0	0	0	11	10	1	0	92 ²⁵	A
12 nhiệm vụ trước hạn (92.31%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (7.69%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)														
V	Phòng CCHC-VTLT		39	6	6	0	0	0	33	33	0	0		A
				39 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Hoàng Xuân Chính	TP	1	0	0	0	0	0	2	2	0	0	90	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Trần Anh Dũng	PTP	12	3	3	0	0	0	9	9	0	0	92,5 ²⁶	A
				12 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Đoàn Minh Sang	CV	11	0	0	0	0	0	11	11	0	0	92,5 ²⁷	A
				11 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

²⁵ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 92.31%)

²⁶ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

²⁷ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
4	Trần Thị Hồng Anh	CV	13	1	1	0	0	0	12	12	0	0	92,5 ²⁸	A
				13 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Trần Thị Lan Phương	CV	2	1	1	0	0	0	1	1	0	0	92,5 ²⁹	A
				2 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
VI	Thanh tra Sở		22	10	9	1	0	0	12	10	2	0		A
				19 nhiệm vụ trước hạn (86.36%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (13.64%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Lương Thị Phương Chi	CTT	4	4	4	0	0	0	0	0	0	0	92,5 ³⁰	A
				4 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Hoàng Minh Hiền	PCTT	1	1	0	1	0	0	0	0	0	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

²⁸ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

²⁹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

³⁰ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
3	Phan Thu Trang	TTV	6	4	4	0	0	0	2	2	0	0	92,5 ³¹	A
				6 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Bùi Trung Kiên	TTV	5	1	1	0	0	0	4	4	0	0	92,5 ³²	A
				5 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Hoàng Thị Thùy Dung	CV	6	0	0	0	0	0	6	4	2	0	90,5 ³³	A
				4 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
VII	Phòng Tín ngưỡng - Tôn giáo		51	4	3	1	0	0	47	45	2	0		A
				48 nhiệm vụ trước hạn (94.12%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (5.88%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Trần Thị Lý	TP	15	1	1	0	0	0	14	14	0	0	92,5 ³⁴	A
				15 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

³¹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

³² Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

³³ Được thưởng 0,5 điểm (trước hạn 66.67%)

³⁴ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
2	Mai Thị Hồng Huệ	PTP	6	1	1	0	0	0	5	5	0	0	92,5 ³⁵	A
				6 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Vũ Thị Tân	CV	8	0	0	0	0	0	8	6	2	0	91 ³⁶	A
				6 nhiệm vụ trước hạn (75%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (25%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Văn Bằng	CV	11	0	0	0	0	0	11	11	0	0	92,5 ³⁷	A
				11 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Phạm Thu Huyền	CV	11	2	1	1	0	0	9	9	0	0	91 ³⁸	A
				10 nhiệm vụ trước hạn (90.91%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (9.09%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

³⁵ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)³⁶ Được thưởng 1 điểm (trước hạn 75%)³⁷ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)³⁸ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 90.91%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại	
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh						
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành			
VIII	Văn phòng		41	8	4	4	0	0	33	26	7	0		A	
				30 nhiệm vụ trước hạn (73.17%); 11 nhiệm vụ đúng hạn (26.83%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
1	Vũ Quốc Khánh	CVP	4	1	0	1	0	0	3	3	0	0	91 ³⁹	A	
				3 nhiệm vụ trước hạn (75%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (25%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
2	Nguyễn Bá Hoàng	PCVP	16	2	2	0	0	0	14	14	0	0	92,5 ⁴⁰	A	
				16 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
3	Chu Bình Mích	CV	6	1	0	1	0	0	5	4	1	0	90,5 ⁴¹	A	
				4 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											

³⁹ Được thưởng 1 điểm (trước hạn 75%)

⁴⁰ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

⁴¹ Được thưởng 0,5 điểm (trước hạn 66.67%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
4	Mai Hồng Quân	CV	7	4	2	2	0	0	3	1	2	0	86	B
				3 nhiệm vụ trước hạn (42.86%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (57.14%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Vũ Thị Sang	CS	5	1	1	0	0	0	4	4	0	0	92,5 ⁴²	A
				4 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Lê Xuân Tình	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Quách Hồng Thuận	NV	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Hoàng Thị Thanh Mai	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁴² Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
9	Lê Thị Thu Hà	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
IX	Ban Thi đua - Khen thưởng		110	12	11	1	0	0	98	94	4	0		A
				105 nhiệm vụ trước hạn (95.45%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (4.55%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Nguyễn Đình Tuệ	TB	3	1	1	0	0	0	2	2	0	0	92,5 ⁴³	A
				3 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Đỗ Thị Yên	PTB	7	1	1	0	0	0	6	6	0	0	92,5 ⁴⁴	A
				7 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Quách Thị Lan Phương	PTB	3	1	1	0	0	0	2	2	0	0	92,5 ⁴⁵	A
				3 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁴³ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁴⁴ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁴⁵ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
4	Nguyễn Thị Hồng Dung	CV	5	0	0	0	0	0	5	2	3	0	84	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (40%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (60%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Vũ Xuân Hanh	CV	45	0	0	0	0	0	45	45	0	0	92,5 ⁴⁶	A
				45 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Phạm Thị Huyền	CV	7	3	3	0	0	0	4	4	0	0	92,5 ⁴⁷	A
				7 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Phạm Minh Châu	CV	10	1	0	1	0	0	9	9	0	0	92 ⁴⁸	A
				9 nhiệm vụ trước hạn (90%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (10%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Đoàn Thu Trang	CV	11	2	2	0	0	0	9	9	0	0	92,5 ⁴⁹	A
				11 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁴⁶ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁴⁷ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁴⁸ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 90%)⁴⁹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
9	Vũ Thị Hợi	CV	9	1	1	0	0	0	8	8	0	0	92,5 ⁵⁰	A
				9 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
10	Nguyễn Thị Hương	CV	9	2	2	0	0	0	7	7	0	0	92,5 ⁵¹	A
				9 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
11	Đỗ Ngọc Phú	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
X	Trung tâm Lưu trữ lịch sử		31	3	2	1	0	0	28	9	19	0		B
				11 nhiệm vụ trước hạn (35.48%); 20 nhiệm vụ đúng hạn (64.52%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Trương Văn Toàn	GD TT	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	88	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁵⁰ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

⁵¹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
2	Bùi Thị Thu Hà	PGĐ TT	3	0	0	0	0	0	3	2	1	0	88	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Đinh Thị Ngọc Tân	PGĐ TT	2	2	1	1	0	0	0	0	0	0	88	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (50%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (50%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
	Phòng HC-TH		17	0	0	0	0	0	17	3	14	0		B
				3 nhiệm vụ trước hạn (17.65%); 14 nhiệm vụ đúng hạn (82.35%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Viết Hòa	VC	4	0	0	0	0	0	4	3	1	0	88	B
				3 nhiệm vụ trước hạn (75%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (25%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Đinh Thị Thùy Giang	VC	3	0	0	0	0	0	3	0	3	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
6	Nguyễn Trường Thịnh	VC	3	0	0	0	0	0	3	0	3	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Đoàn Thị Trà Giang	VC	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Đỗ Văn Tiến	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
9	Nguyễn Thị Dinh	NV	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
10	Đoàn Văn Sáng	NV	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
	Phòng Nghiệp vụ lưu trữ		8	0	0	0	0	0	8	4	4	0		B
4 nhiệm vụ trước hạn (50%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (50%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)														
11	Lương Lê Thành	VC	1	0	0	0	0	0	2	2	0	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
12	Nguyễn Thị Hiếu	VC	3	0	0	0	0	0	3	3	0	0	92,5 ⁵²	A
				3 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
13	Nguyễn Thị Hằng	VC	4	0	0	0	0	0	4	1	3	0	84	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (25%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (75%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁵² Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)